

BÀI 1: THIẾT BỊ VÀO - RA

- 1. Khái niệm thiết bị vào-ra:**
 - Thiết bị vào: Dùng để nhập thông tin vào máy tính.
 - Thiết bị ra: Dùng để xuất thông tin từ máy tính ra bên ngoài.
 - Một số thiết bị vừa là thiết bị vào, vừa là thiết bị ra.
- 2. Các thiết bị vào phổ biến:**
 - **Bàn phím:** Nhập dữ liệu văn bản.
 - **Chuột:** Điều khiển con trỏ và chọn các lệnh trên màn hình.
 - **Micro:** Nhập dữ liệu dạng âm thanh.
 - **Camera:** Nhập dữ liệu hình ảnh/video.
- 3. Các thiết bị ra phổ biến:**
 - **Loa:** Xuất thông tin dạng âm thanh.
 - **Màn hình:** Hiển thị thông tin hình ảnh, văn bản.
 - **Máy in:** Xuất thông tin ra giấy.
- 4. Thiết bị vừa là vào, vừa là ra:**
 - **Màn hình cảm ứng:**
 - Chức năng vào: Cho phép người dùng nhập thông tin bằng cách chạm.
 - Chức năng ra: Hiển thị thông tin từ máy tính.
 - **Tai nghe có micro:**
 - Chức năng vào: Micro thu âm thanh.
 - Chức năng ra: Tai nghe phát âm thanh.
- 5. Vai trò của thiết bị vào-ra trong hệ thống máy tính:**
 - Giúp máy tính giao tiếp với con người bằng cách nhập, xuất thông tin.
 - Thiết bị vào giúp thu nhận thông tin từ người dùng.
 - Thiết bị ra giúp máy tính truyền tải kết quả xử lý.
- 6. Lưu ý khi sử dụng thiết bị vào-ra:**
 - Đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất trước khi sử dụng thiết bị.
 - Kết nối các thiết bị đúng cách
 - Giữ gìn nơi làm việc với máy tính gọn gàng, ngăn nắp, vệ sinh khô ráo

LUYỆN TẬP

Câu 1. Thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?

- A. Loa B. Máy in C. Micro D. Máy chiếu

Câu 2. Thiết bị nào dưới đây là thiết bị ra?

- A. Chuột B. Máy chiếu C. Bàn phím D. Micro

Câu 3. Micro có vai trò gì trong hệ thống máy tính?

- A. Xuất dữ liệu âm thanh B. Lưu trữ dữ liệu
C. Nhập dữ liệu âm thanh D. Hiển thị dữ liệu

Câu 4. Chức năng chính của máy chiếu là gì?

- A. Xuất dữ liệu hình ảnh B. Nhập dữ liệu văn bản
C. Lưu trữ dữ liệu D. Xuất dữ liệu âm thanh

Câu 5. Thiết bị phổ biến nhất được sử dụng để nhập dữ liệu số và văn bản vào máy tính là gì?

- A. Máy vẽ đồ thị. B. Bàn phím. C. Máy in. D. Máy quét

Câu 6. Phương án nào sau đây chỉ gồm các thiết bị vào?

- A. Micro, máy in B. Máy quét, màn hình
C. Máy ảnh kỹ thuật số, loa. D. Bàn phím, chuột.

Câu 7. Chọn phương án SAI: Khi lắp ráp thiết bị, nếu cắm đầu nối vào cổng kết nối có hình dạng, cấu tạo, kích thước không phù hợp thì có thể gây ra điều gì?

- A. Không cắm được đầu nối vào cổng kết nối
B. Cong, gãy, hỏng chân cắm của cổng kết nối, đầu nối
C. Có thể hỏng thiết bị
D. Không sao cả, vẫn kết nối được.

Câu 8: Việc em không nên làm khi sử dụng máy tính:

- A. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng thiết bị.
- B. Tắt máy tính bằng cách ngắt nguồn điện.
- C. Đóng mọi chương trình trước khi tắt máy.
- D. Gõ phím dứt khoát nhưng nhẹ nhàng.

Câu 9. Phương án nào sau đây là thiết bị vào, được dùng thay thế ngón tay, để chọn đối tượng trên màn hình?

- A. Bàn phím
- B. Bút cảm ứng
- C. Nút cuộn chuột
- D. Màn hình.

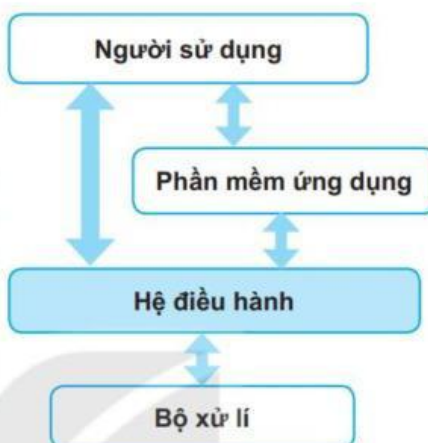
Câu 10. Phương án nào sau đây KHÔNG phải là nguyên nhân gây ra lỗi khi in?

- A. Cắm giắc USB máy in không đúng chiều
- B. Lựa chọn sai máy in
- C. Máy in chưa được kết nối
- D. Bật nguồn máy in

BÀI 2: PHẦN MỀM MÁY TÍNH

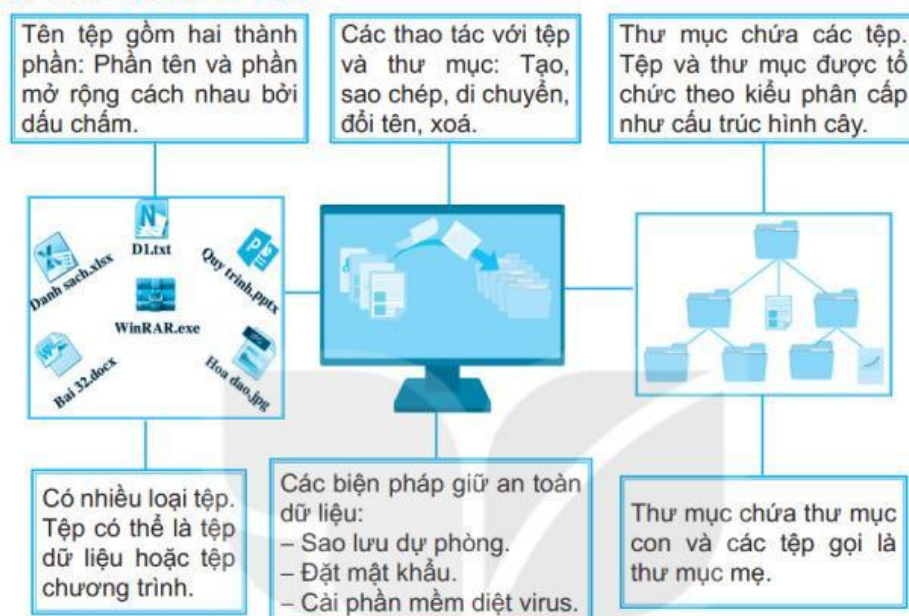
A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

- Hệ điều hành quản lý thiết bị, dữ liệu và chương trình máy tính. Hệ điều hành điều khiển các hoạt động của máy tính.
- Mỗi phần mềm ứng dụng hỗ trợ người sử dụng xử lý một loại dữ liệu, được lưu trữ bằng tệp có phần mở rộng riêng của nó.
- Người sử dụng tương tác với phần mềm ứng dụng và hệ điều hành để ra lệnh cho máy tính thực hiện các yêu cầu của mình.
- Phần mềm ứng dụng chạy trên môi trường do hệ điều hành cung cấp và quản lý. Phần mềm ứng dụng phụ thuộc vào hệ điều hành.



BÀI 3: QUẢN LÝ DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC



LUYỆN TẬP

Câu 1. Phương án nào sau đây là những ví dụ về hệ điều hành?

- A. Windows, Linux, iOS
- B. Google Docs, Google Sheets, Google Slides
- C. Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint
- D. Writer, Calc, Impress

Câu 2. Chức năng chính của phần mềm hệ điều hành là gì?

- A. Soạn thảo văn bản
- B. Điều khiển và quản lý thiết bị, dữ liệu
- C. Chỉnh sửa hình ảnh
- D. Nghe nhạc

Câu 3. Phần mềm ứng dụng được dùng để làm gì?

- A. Quản lý máy tính
- B. Thực hiện công việc cụ thể như văn bản, hình ảnh
- C. Điều khiển phần cứng
- D. Lưu trữ dữ liệu hệ thống

Câu 4. Trong tên tệp “ví dụ.png”, phần mở rộng là gì?

- A. ví dụ B. .png C. ví dụ.png D. ví dụ.

Câu 5. Tên tệp và thư mục phải đảm bảo điều gì?

- A. Không được trùng nhau B. Có khoảng trắng bất kỳ
- C. Không chứa ký tự đặc biệt D. A và C đúng

Câu 6. Chức năng của thư mục là gì?

- A. Chạy chương trình phần mềm B. Tổ chức và sắp xếp tệp tin
- C. Xóa các tệp tin cũ D. Kết nối với hệ điều hành

Câu 7. Tệp tin nào chứa thông tin dạng hình ảnh?

- A. baihoc.docx B. kiniem.jpg C. ghichu.txt D. nhacthieunhi.mp3

Câu 8. Để xóa một tệp tin, ta sử dụng thao tác nào?

- A. Mở tệp và chọn Delete B. Nhấn chuột phải và chọn Delete
- C. Di chuyển tệp vào thư mục khác D. Tắt máy tính

Câu 9. Phương án nào sau đây là phần mở rộng của tệp chương trình máy tính?

- A. docx, rtf, odt B. pptx, ppt, odp
- C. xlsx, csv, ods D. com, exe, msi

Câu 10. Phương án nào sau đây không phải là lợi ích của việc tổ chức lưu trữ tệp trên máy tính một cách hợp lý?

- A. Giúp em làm việc chuyên nghiệp hơn.
- B. Giúp em tìm được tài liệu nhanh hơn khi dữ liệu trên máy tính ngày càng nhiều.
- C. Máy tính sẽ chạy nhanh hơn.
- D. Giúp em dễ dàng quản lý công việc không bị nhầm lẫn

BÀI 4: MẠNG XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ KÊNH TRAO ĐỔI THÔNG TIN TRÊN INTERNET

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT



Câu 1. Mạng xã hội là gì?

- A. Một trang web mua sắm trực tuyến
- B. Một cộng đồng trực tuyến để mọi người tương tác với nhau
- C. Một dịch vụ ngân hàng trực tuyến
- D. Một phần mềm diệt virus

Câu 2. Ví dụ nào sau đây là mạng xã hội dùng để chia sẻ video?

- A. Facebook
- B. YouTube
- C. Instagram
- D. Twitter

Câu 3. Lợi ích chính của mạng xã hội là gì?

- A. Giúp người dùng kết nối với bạn bè và gia đình
- B. Tăng khả năng giao tiếp trực tiếp
- C. Giảm thiểu việc sử dụng Internet
- D. Hạn chế chia sẻ thông tin

Câu 4. Tác hại nào sau đây không liên quan đến việc sử dụng mạng xã hội?

- A. Nguy cơ về bảo mật thông tin cá nhân
- B. Tiếp cận thông tin sai lệch
- C. Tăng cường kỹ năng giao tiếp trực tiếp
- D. Lãng phí thời gian nếu sử dụng không hợp lý

Câu 5. Khi sử dụng mạng xã hội, chúng ta cần lưu ý điều gì?

- A. Chia sẻ mọi thông tin cá nhân
- B. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác
- C. Tin tưởng mọi thông tin trên mạng
- D. Sử dụng mạng xã hội mọi lúc, mọi nơi

Câu 6. Mạng xã hội nào sau đây chủ yếu dùng để chia sẻ ảnh?

- A. LinkedIn
- B. Instagram
- C. Twitter
- D. Reddit

Câu 7. Diễn đàn (Forum) là gì?

- A. Nền tảng trực tuyến để thảo luận về các chủ đề cụ thể
- B. Dịch vụ gửi và nhận thư qua Internet
- C. Trang web mua sắm trực tuyến
- D. Phần mềm chỉnh sửa ảnh

Câu 8. Ví dụ nào sau đây là mạng xã hội dùng để giao lưu với bạn bè?

- A. YouTube
- B. Facebook
- C. Pinterest
- D. Quora

Câu 9. Tại sao cần cân nhắc trước khi tham gia mạng xã hội?

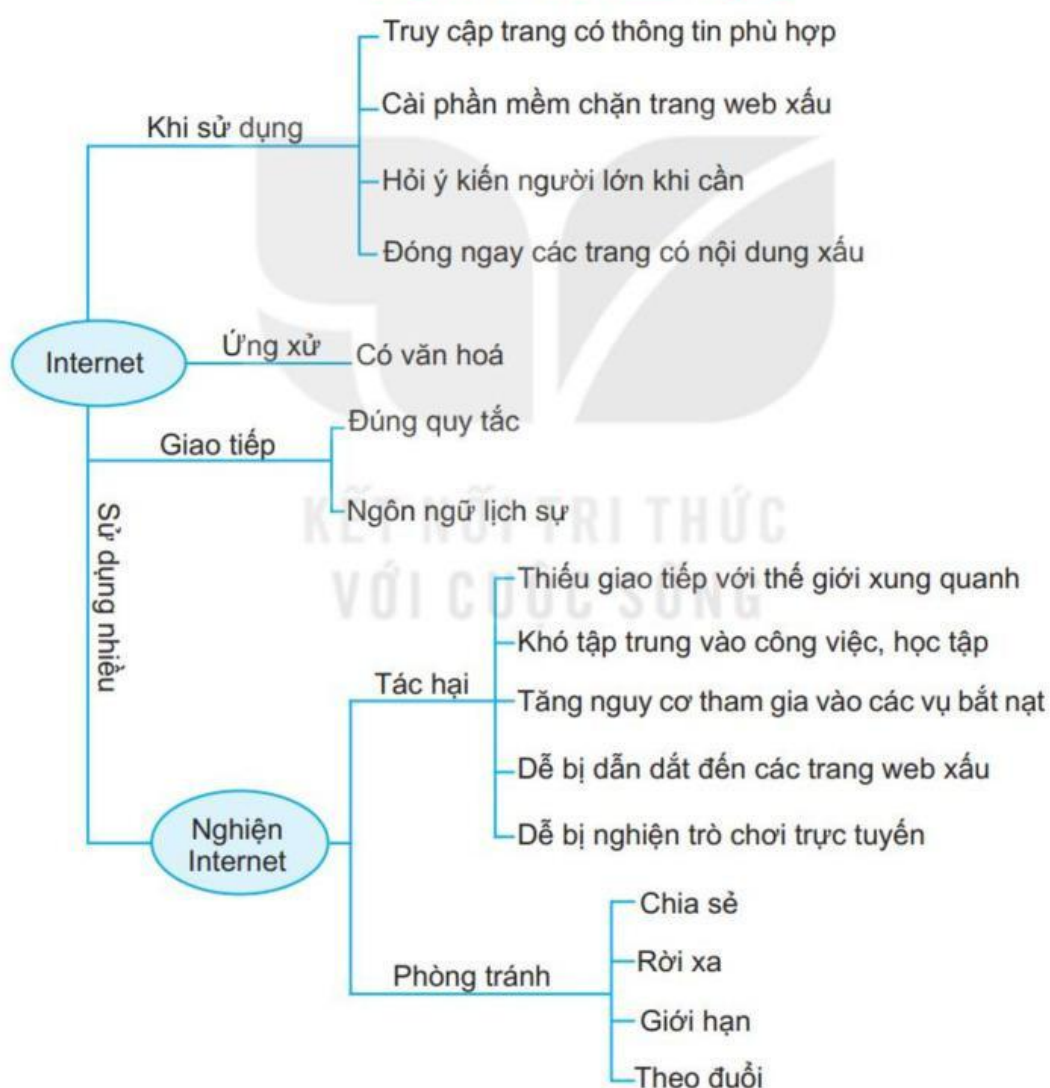
- A. Vì mạng xã hội luôn có tính hai mặt: tốt và xấu

- B. Vì mạng xã hội luôn an toàn
- C. Vì mạng xã hội không phổ biến
- D. Vì mạng xã hội không ảnh hưởng đến cuộc sống

Câu 10: Theo em, hoạt động trên mạng nào sau đây dễ gây bệnh nghiện Internet nhất?

- A. Nghe nhạc
- B. Đọc tin tức
- C. Sử dụng mạng xã hội, chơi trò chơi trực tuyến.
- D. Học tập trực tuyến

BÀI 5: ỨNG XỬ TRÊN MẠNG



LUYỆN TẬP

Câu 1. Khi giao tiếp qua mạng, chúng ta nên:

- A. Sử dụng ngôn ngữ lịch sự, tôn trọng người khác
- B. Sử dụng ngôn ngữ thô tục
- C. Phớt lờ cảm xúc của người khác
- D. Chia sẻ thông tin cá nhân của người khác

Câu 2. Hành động nào sau đây được coi là bắt nạt trên mạng?

- A. Gửi lời khen ngợi
- C. Đăng tin đồn sai sự thật về người khác

- B. Chia sẻ thông tin hữu ích
- D. Tham gia thảo luận nhóm

Câu 3. Khi gặp thông tin xấu trên mạng, bạn nên:

- A. Bỏ qua và tiếp tục sử dụng
- C. Báo cáo cho người lớn hoặc cơ quan chức năng

- B. Chia sẻ cho bạn bè
- D. Lưu lại để xem sau

Câu 4. Biểu hiện của nghiện Internet bao gồm:

- A. Sử dụng Internet trong thời gian ngắn
- B. Thường xuyên kiểm tra điện thoại dù không cần thiết
- C. Tham gia hoạt động ngoại khóa
- D. Dành thời gian cho gia đình

Câu 5. Để phòng tránh nghiện Internet, bạn nên:

- A. Sử dụng Internet không giới hạn
- C. Tránh tham gia hoạt động ngoại khóa

- B. Quản lý thời gian sử dụng hợp lý
- D. Sử dụng Internet suốt đêm

Câu 6. Khi nhận được tin nhắn xúc phạm, bạn nên:

- A. Phản hồi lại bằng lời lẽ tương tự
- C. Chia sẻ tin nhắn đó cho người khác

- B. Bỏ qua và không phản hồi
- D. Đăng lên mạng xã hội

Câu 7. Việc chia sẻ thông tin cá nhân của người khác khi chưa được phép là:

- A. Hành động bình thường
- C. Cách kết bạn mới

- B. Vi phạm quyền riêng tư
- D. Hành động tốt

Câu 8. Khi thấy bạn bè có dấu hiệu nghiện Internet, bạn nên:

- A. Khuyến khích họ sử dụng nhiều hơn
- B. Phớt lờ và không quan tâm
- C. Thông báo cho người lớn hoặc thầy cô
- D. Tham gia cùng họ

Câu 9. Để giao tiếp có văn hóa trên mạng, bạn nên:

- A. Sử dụng ngôn ngữ thô tục
- C. Chia sẻ tin đồn

- B. Tôn trọng ý kiến của người khác
- D. Tranh cãi gay gắt

Câu 10. Khi truy cập trang web có nội dung xấu, bạn nên:

- A. Tiếp tục xem
- C. Thoát khỏi trang web và báo cáo

- B. Chia sẻ cho bạn bè
- D. Lưu lại để xem sau

BÀI 6: LÀM QUEN VỚI PHẦN MỀM BẢNG TÍNH



Hình 6.1. Giao diện phần mềm bảng tính điện tử

Mỗi ô và vùng dữ liệu được xác định bởi một địa chỉ ô và vùng duy nhất.

Địa chỉ ô = <tên cột><tên hàng>

Địa chỉ vùng = <địa chỉ ô góc trên bên trái>:<địa chỉ ô góc dưới bên phải>

- **Ô và vùng trên trang tính**: Cách xác định địa chỉ ô (theo cột và hàng), cách chọn ô và vùng ô, khái niệm về vùng dữ liệu.
- **Nhập, chỉnh sửa và định dạng dữ liệu**: Hướng dẫn cách nhập dữ liệu vào ô, chỉnh sửa nội dung ô, định dạng dữ liệu như thay đổi phông chữ, cỡ chữ, màu sắc và căn lề.

BÀI 7: TÍNH TOÁN TỰ ĐỘNG TRÊN BẢNG TÍNH

– Phần mềm bảng tính tự động nhận biết kiểu dữ liệu đã nhập: số, văn bản, ngày tháng,...

– Nhập công thức bắt đầu bằng dấu “=”. Công thức có thể chứa địa chỉ và vùng dữ liệu.

– Nếu dữ liệu tại một ô là công thức mà công thức đó tính toán với các giá trị lấy từ các ô dữ liệu khác thì công thức cần ghi địa chỉ của ô dữ liệu tương ứng. Phần mềm bảng tính sẽ tự động tính toán và cập nhật kết quả nếu có thay đổi.

– Khi sao chép một ô có công thức chứa địa chỉ, các địa chỉ được điều chỉnh để giữ nguyên vị trí tương đối giữa ô chứa công thức và ô có địa chỉ trong công thức.

LUYỆN TẬP

Câu 1. Để nhập dữ liệu vào một ô, bạn cần:

- A. Nháy đúp chuột vào ô đó
- B. Nháy chuột vào ô đó và nhập dữ liệu
- C. Chọn ô và nhấn phím Enter
- D. Chọn ô và nhấn phím Esc

Câu 2. Phép tính nào sau đây không thể thực hiện trong bảng tính?

- A. Cộng
- B. Trừ
- C. Nhân
- D. Phân số

Câu 3. Khi sao chép công thức từ ô này sang ô khác, phần mềm sẽ:

- A. Giữ nguyên địa chỉ ô trong công thức
- B. Thay đổi địa chỉ ô tương đối
- C. Thay đổi địa chỉ ô tuyệt đối
- D. Xóa công thức gốc

Câu 4. Để định dạng dữ liệu trong ô, bạn có thể:

- A. Thay đổi phông chữ
- B. Thay đổi cỡ chữ
- C. Thay đổi màu sắc
- D. Tất cả các ý trên

Câu 5. Khi nhập dữ liệu ngày tháng, phần mềm bảng tính sẽ:

- A. Căn trái dữ liệu
- B. Căn phải dữ liệu
- C. Căn giữa dữ liệu
- D. Không căn chỉnh

Câu 6. Để chọn một vùng ô, bạn cần:

- A. Nháy chuột vào ô đầu tiên và kéo đến ô cuối cùng
- B. Nháy đúp chuột vào ô đầu tiên
- C. Nhấn phím Shift và chọn từng ô
- D. Nhấn phím Ctrl và chọn từng ô

Câu 7. Khi nhập dữ liệu số, phần mềm bảng tính sẽ:

- A. Căn trái dữ liệu
- B. Căn phải dữ liệu
- C. Căn giữa dữ liệu
- D. Không căn chỉnh

Câu 8. Khẳng định nào sau đây là đúng

- A. Một bảng tính có thể chứa nhiều trang tính.
- B. Mỗi trang tính chỉ chứa một trang tính.
- C. Mỗi trang tính bao gồm nhiều bảng tính.
- D. Mỗi trang tính chỉ chứa một bảng tính

Câu 9. Phương án nào sau đây là địa chỉ ô dữ liệu trong bảng tính?

- A. Z120
- B. AB_12
- C. 1000ZZ
- D. ABCDE
- E. MN1100
- F. 2D_A

Câu 10. Những phương án nào là công thức đúng nhập vào bảng tính?

- A. = 15 + 7
- B. =2(3^3 + 4^4)
- C. =(1^2+2^2)*(3^2+4^2)
- D. =a + b
- E. =2*14.789*3.14
- F. x=1

MỘT SỐ CÂU HỎI TỰ LUẬN – HỌC SINH TỰ ÔN TẬP

Câu 1: Trình bày cách nhập và chỉnh sửa dữ liệu trong một ô của phần mềm bảng tính.

Câu 2: Kể tên các kiểu dữ liệu trên bảng tính.

Câu 3: Công thức trong bảng tính có tính chất gì?

Câu 4: So sánh sao chép công thức trong phần mềm bảng tính và sao chép dữ liệu bình thường?

Câu 5: Nhập công thức vào ô D4 để tính tổng diện tích rừng của tỉnh Hà Giang

	A	B	C	D
1	DIỆN TÍCH RỪNG CÁC TỈNH VÙNG ĐÔNG BẮC			
2	Đơn vị tính:ha			
3	Tỉnh	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Tổng diện tích rừng
4	Hà Giang	382.118	87.236	
5	Tuyên Quang	233.193	346.780	
6	Cao Bằng	353.56	672.468	
7	Lạng Sơn	56.765	457.238	
8	Bắc Giang	895.345	189.387	
9	Quảng Ninh	234.567	234.901	
10	Bắc Kạn	453.589	475.239	
11	Thái Nguyên	225.892	640.367	
12	Phú Thọ	875.680	307.105	

Câu 6: Nhập công thức vào ô C5 và ô C6 để tính nửa chu vi và diện tích của hình tròn.

	B	C
1		
2	Thông tin hình tròn	
3	Bán kính R	10.45
4	PI	3.141.593
5	Nửa chu vi:	
6	Diện tích:	